

Happy New Year
2016

BẢN TIN PHÁP LUẬT AN VIỆT

Tháng 1 năm 2016



LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Ngày 29/12/2015 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc. Theo đó:

Tiền lương tháng đóng BHXH đối với người lao động đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định được quy định như sau:

➤ Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/12/2017, tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương và phụ cấp lương theo quy định tại Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 4 của Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH.

Về phụ cấp lương theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 4 của Thông tư 47 là các khoản phụ cấp lương để bù đắp yếu tố về điều kiện lao động, tính chất phức tạp công việc, điều kiện sinh hoạt, mức độ thu hút lao động mà mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động chưa được tính đến hoặc tính chưa đầy đủ như phụ cấp chức vụ, chức danh; phụ cấp trách nhiệm; phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thâm niên; phụ cấp khu vực; phụ cấp lưu động; phụ cấp thu hút và các phụ cấp có tính chất tương tự.

➤ Từ ngày 1/1/2018 trở đi, tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương, phụ cấp lương theo quy định và các khoản bổ sung khác theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Thông tư 47.

Cũng theo Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH, tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc không bao gồm các khoản chế độ và phúc lợi khác, như tiền thưởng theo quy định tại Điều 103 của Bộ Luật Lao động 2012, tiền thưởng sáng kiến; tiền ăn giữa ca; các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại, đi lại, tiền nhà ở, tiền giữ trẻ, nuôi con nhỏ; hỗ trợ khi người lao động có thân nhân bị chết, người lao động có người thân kết hôn, sinh nhật của người lao động, trợ cấp cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các khoản hỗ trợ, trợ cấp khác ghi thành mục riêng trong hợp đồng lao động theo Khoản 11 Điều 4 của Nghị định 05/2015/NĐ-CP.

➤ Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH được áp dụng kể từ ngày 15/02/2016.

[DOWNLOAD](#)



Ngày 29/12/2015 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 58/2015/TT-BLĐTBXH quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội. Theo đó:

➤ Điều chỉnh tiền lương tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.

Tiền lương tháng đã đóng bảo hiểm xã hội đối với đối tượng tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 58 được điều chỉnh theo công thức sau:

- Tiền lương tháng đóng BHXH sau điều chỉnh của từng năm = Tổng tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định của từng năm x Mức điều chỉnh tiền lương đã đóng BHXH của năm tương ứng
- Trong đó, mức điều chỉnh tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội của năm tương ứng được thực hiện theo Bảng 1 Thông tư 58/2015/BLĐTBXH.
- Đối với người lao động vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định, vừa có thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương tháng đã đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định được điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 58 năm 2015 của Bộ Lao động thương binh và xã hội.

➤ Điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.

Thu nhập tháng đã đóng BHXH đối với đối tượng tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư 58/2015/TT-

- Thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện sau điều chỉnh của từng năm = Tổng thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội của từng năm x Mức điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng BHXH của năm tương ứng.
- Trong đó, mức điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội của năm tương ứng được thực hiện theo Bảng 2 Thông tư số 58/2015.
- Đối với người lao động vừa có thời gian đóng BHXH bắt buộc vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện thì thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện được điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư 58 năm 2015 của Bộ LĐTBXH. Trường hợp có thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương tháng đã đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định được điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 58/2015/BLĐTBXH. Mức bình quân thu nhập tháng đã đóng BHXH tự nguyện hoặc mức bình quân tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính hưởng lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, BHXH một lần và trợ cấp tuất một lần được tính theo Khoản 4 Điều 11 Nghị định 115/2015/NĐ-CP và Khoản 4 Điều 5 Nghị định 134/2015/NĐ-CP.

➤ Thông tư 58/2015/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 15/02/2016.

[DOWNLOAD](#)

Ngày 16/11/2015 Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn một số điều về hợp đồng lao động, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất tại Nghị định 05/2015/NĐ-CP. Theo đó:

➤ Trường hợp nghỉ việc có lý do chính đáng.

Các trường hợp sau được xem là nghỉ việc có lý do chính đáng:

- Do thiên tai, hỏa hoạn mà người lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể có mặt để làm việc.
- Bản thân, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố vợ, mẹ vợ, bố chồng, mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi hợp pháp, đứa trẻ mà người lao động mang thai hộ đang nuôi theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình bị ốm có giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

(Trường hợp nghỉ việc có lý do chính đáng sẽ không bị áp dụng hình thức kỷ luật sa thải theo Điều 31 của Nghị định 05).

➤ Bãi bỏ quy định về việc phải trả lương ngay trong tháng làm việc cho người lao động tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 23/2015/TT-BLĐTBXH, chỉ còn quy định về việc trả lương một tháng một lần hoặc nửa tháng một lần và được trả vào thời điểm trả lương.

➤ Sửa đổi, bổ sung quy định về tiền lương thực trả của ngày làm việc bình thường để tính tiền làm thêm giờ; tiền lương thực trả sẽ không bao gồm tiền lương làm thêm giờ, trả thêm khi làm vào ban đêm, tiền thưởng, tiền ăn giữa ca, hỗ trợ...

➤ Tiền lương trả cho một ngày làm việc được xác định bằng tiền lương tháng chia cho số ngày làm việc bình thường trong tháng (tuy nhiên số ngày làm việc trong tháng không được vượt quá 26 ngày).

[DOWNLOAD](#)



Ngày 16/12/2015 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 54/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm công việc sản xuất có tính thời vụ và công việc gia công hàng theo đơn đặt hàng. Theo đó:

➤ Giới hạn giờ làm việc tiêu chuẩn hằng ngày và giờ làm thêm đối với lao động thời vụ và NLĐ gia công theo đơn đặt hàng.

Theo Thông tư số 54, tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn và số giờ làm thêm trong một ngày không quá 12 giờ; riêng đối với người lao động làm các nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm không quá 9 giờ.

Giới hạn giờ làm việc tiêu chuẩn và giờ làm thêm theo tuần, tháng của lao động thời vụ, gia công theo đơn hàng được Thông tư 54/2015 quy định như sau:

- Tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn và số giờ làm thêm trong một tuần không quá 64 giờ; riêng đối với NLĐ làm các nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm không quá 48 giờ.
- Tổng số giờ làm thêm NLĐ làm công việc có tính chất thời vụ trong một tháng không quá 32 giờ; riêng đối với người lao động làm các nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm không quá 24 giờ.
- NSDLĐ quyết định lựa chọn giới hạn giờ làm việc tiêu chuẩn và giờ làm thêm theo tuần phải ghi vào kế hoạch thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi trong năm tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 54 năm 2015 của Bộ Lao động.

- Trường hợp quyết định áp dụng giới hạn giờ làm thêm theo tháng quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 6 thì đồng thời tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn của lao động thời vụ trong một tuần không quá 56 giờ; riêng đối với người lao động làm các nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm không quá 42 giờ.
- Thông tư 54/2015/TT-BLĐTBXH quy định tổng số giờ làm thêm trong một năm đối với mỗi người lao động không quá 300 giờ.



➤ Thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm công việc sản xuất có tính thời vụ và công việc gia công hàng theo đơn đặt hàng.

- Hằng tuần, người lao động làm công việc có tính thời vụ được nghỉ ít nhất 24 giờ liên tục. Trong những tháng thời vụ hoặc phải gấp rút gia công hàng xuất khẩu theo đơn đặt hàng, nếu không nghỉ hằng tuần thì phải bảo đảm hằng tháng có ít nhất 4 ngày nghỉ cho NLĐ.

- Việc nghỉ trong giờ làm việc, nghỉ chuyển ca đối với từng người lao động thực hiện theo BLLĐ. Theo Thông tư số 54/2015/BLĐTBXH, nếu người lao động làm việc trong ngày từ 10 giờ trở lên thì NSDLĐ phải bố trí cho họ được nghỉ thêm ít nhất 30 phút tính vào giờ làm việc, ngoài thời giờ nghỉ ngơi trong ca làm việc bình thường.
- Doanh nghiệp phải bố trí để người lao động được nghỉ hoặc nghỉ bù đủ số ngày lễ, tết, nghỉ hằng năm và các ngày nghỉ có hưởng lương khác đúng theo BLLĐ.



➤ Thông tư 54/2015/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 10/02/2016.

[DOWNLOAD](#)

KẾ TOÁN

Ngày 20/11/2015 Quốc hội ban hành Luật kế toán 2015 số 88/2015/QH13 với nhiều quy định về nội dung công tác kế toán; tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán;... Theo đó, Luật kế toán 2015 có những điểm sau đáng chú ý:

➤ Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Các loại tài sản và nợ phải trả được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính gồm:

- Công cụ tài chính theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- Các tài sản hoặc nợ phải trả khác có giá trị biến động thường xuyên, theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán.

➤ Báo cáo tài chính nhà nước.

Theo Điều 30 Luật Kế toán 2015, việc lập báo cáo tài chính nhà nước được thực hiện như sau:

- Bộ Tài chính lập báo cáo tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc, trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội; chỉ đạo Kho bạc Nhà nước chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính lập báo cáo tài chính thuộc phạm vi địa phương, trình UBND cấp tỉnh để báo cáo HĐND cùng cấp;
- Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm lập báo cáo của đơn vị mình và cung cấp thông tin tài chính cần thiết phục vụ việc lập báo cáo tài chính nhà nước

➤ Thời gian kiểm tra kế toán được Điều 36 Luật số 88/2015/QH13 quy định như sau:

Thời gian kiểm tra kế toán do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kế toán quyết định nhưng không quá 10 ngày, không kể ngày nghỉ, ngày lễ. Trường hợp nội dung kiểm tra phức tạp thì thời gian kéo dài đối với mỗi cuộc kiểm tra không quá 05 ngày, không kể ngày nghỉ, ngày lễ.



➤ Điều 39 Luật kế toán 2015 quy định việc kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ.

- Kiểm soát nội bộ là việc thiết lập và tổ chức thực hiện trong nội bộ đơn vị kế toán các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.
 - Kiểm toán nội bộ là việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ.
- Luật kế toán 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

[DOWNLOAD](#)

QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngày 1/12/2015 Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp. Theo đó:

➤ Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.

Thông tư 20 quy định trường hợp thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần, DN thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính theo Điều 51 Nghị định 78/2015/NĐ-CP và chỉ áp dụng với công ty CP chưa niêm yết.

➤ Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- Theo Thông tư số 20/2015, đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người ký thông báo lập, thay đổi nội dung đăng ký, tạm ngừng, tiếp tục, chấm dứt địa điểm kinh doanh là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh.
- Việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài thực hiện theo pháp luật nước đó. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày chính thức chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

➤ Cấp đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương

Trường hợp doanh nghiệp đề nghị được cấp GCN đăng ký doanh nghiệp thay thế cho nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ giá trị pháp lý tương đương mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ theo Thông tư 20 năm 2015 của Bộ Kế hoạch đầu tư bao gồm:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư;
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế;
- Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp tại Phụ lục II-18 Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT.

➤ Khai thác thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 20/2015/BKHĐT quy định thông tin được cung cấp công khai, miễn phí trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm: tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật, mẫu dấu của doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp.



- Ngoài ra, có thể đề nghị được cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, báo cáo tài chính của các loại hình doanh nghiệp tại Bộ KHĐT hoặc tại Phòng ĐKKD hoặc thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải trả phí.

- Theo quy định tại Thông tư 20 năm 2015, trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin của tất cả các DN trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý.

➤ Chuyển đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Khi thực hiện cấp đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh số hóa hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, tải và lưu trữ đầy đủ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Đối với những hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã được tiếp nhận trước ngày Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT có hiệu lực và chưa được số hóa khi thực hiện cấp đăng ký doanh nghiệp, hàng năm, Phòng ĐKKD xây dựng kế hoạch chuyển đổi thông tin và lưu trữ đầy đủ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp dưới dạng văn bản điện tử vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

➤ Thông tư 20 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 15/01/2016.

[DOWNLOAD](#)

Ngày 2/11/2015 Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Công văn số 9720/BKHĐT-ĐKKD về thông báo mẫu con dấu. Theo đó:

➤ Trường hợp doanh nghiệp đang sử dụng mẫu con dấu cũ theo quy định tại Nghị định số 58/2001/NĐ-CP và Nghị định số 31/2009/NĐ-CP nhưng làm mất hoặc đã trả con dấu cho cơ quan công an thì trước khi sử dụng con dấu mới bắt buộc phải gửi thông báo đến Phòng ĐKKD.

➤ Đối với trường hợp doanh nghiệp làm mất mẫu con dấu do mình tự thiết kế theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng mẫu con dấu với số lượng, hình thức như đã thông báo với Phòng ĐKKD thì cho phép khắc lại con dấu khác thay thế mà không phải thông báo. Việc thông báo chỉ bắt buộc khi doanh nghiệp muốn thay đổi mẫu con dấu mới.

[DOWNLOAD](#)

VĂN BẢN THUẾ

Ngày 16/12/2015 Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 5417/TCT-KK hướng dẫn về khấu trừ thuế GTGT đầu vào hàng xuất khẩu. Theo đó:

Nếu doanh nghiệp thực tế phát sinh hoạt động xuất khẩu đáp ứng đủ 3 điều kiện về Hợp đồng xuất khẩu với tổ chức nước ngoài; Tờ khai hải quan hàng xuất khẩu; Chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Doanh nghiệp có hạch toán đầy đủ doanh thu hàng xuất khẩu trên sổ sách kế toán nhưng sử dụng hóa đơn thương mại mà không xuất hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn xuất khẩu cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa thì doanh nghiệp xuất khẩu vẫn được kê khai khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT đầu vào của số hàng hóa thực tế xuất khẩu và bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sử dụng hóa đơn, chứng từ theo quy định tại Chương V Nghị định số 51/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

[DOWNLOAD](#)



Ngày 18/12/2015 Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 5460/TCT-KK hướng dẫn về việc nhập mẫu 06/GTGT đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập trong năm. Theo đó:

Đối với DN, HTX mới thành lập từ 01/01 đến 30/9 hàng năm.

➤ Về nguyên tắc xác định doanh thu khi hết năm dương lịch đầu tiên.

Trường hợp DN, HTX mới thành lập từ 01/01 đến 30/9 hàng năm, hoạt động sản xuất kinh doanh không đủ 12 tháng thì xác định doanh thu ước tính của năm như sau: Tổng cộng của chỉ tiêu "Tổng doanh thu của HHĐV bán ra chịu thuế GTGT" trên Tờ khai thuế GTGT của kỳ tính thuế các tháng hoặc quý hoạt động sản xuất kinh doanh chia (:) số tháng hoạt động sản xuất kinh doanh và nhân với (x) 12 tháng. Việc xác định doanh thu theo nguyên tắc này không phân biệt DN, HTX thực hiện khai theo tháng hoặc quý.

➤ Về thời điểm gửi mẫu 06/GTGT.

Đối với trường hợp DN, HTX đang áp dụng phương pháp khấu trừ.

- Doanh nghiệp, HTX có ước tính doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ thì tiếp tục áp dụng phương pháp khấu trừ thuế ổn định trong 02 năm tiếp theo và không phải gửi mẫu 06/GTGT đến cơ quan thuế.

- Doanh nghiệp, HTX ước tính không đạt mức doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên nhưng thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ thì được đăng ký tự nguyện tiếp tục áp dụng phương pháp khấu trừ thuế và phải gửi mẫu 06/GTGT đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước 20/12 của năm trước liền kề năm người nộp thuế thực hiện phương pháp tính thuế, cho chu kỳ ổn định 02 năm tiếp theo. Nếu không nộp mẫu 06/GTGT thì DN, HTX áp dụng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cho năm tiếp theo.

Đối với trường hợp DN, HTX đang áp dụng phương pháp trực tiếp.

- Doanh nghiệp, HTX mới thành lập đang áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp thì phải thực hiện ổn định phương pháp tính thuế đến hết năm dương lịch đầu tiên. Nếu muốn chuyển đổi phương pháp tính thuế GTGT sang khấu trừ thì phải gửi mẫu 06/GTGT đến cơ quan thuế chậm nhất ngày 20/12 của năm trước liền kề năm người nộp thuế thực hiện phương pháp tính thuế mới. Nếu DN, HTX không nộp mẫu 06/GTGT thì tiếp tục áp dụng nộp thuế theo phương pháp trực tiếp cho năm tiếp theo.

[DOWNLOAD](#)

Ngày 16/12/2015 Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 5413/TCT-CS hướng dẫn về việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài. Theo đó:

Trường hợp Công ty X là công ty 100% vốn nước ngoài, sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật, đã nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán và tờ khai quyết toán thuế TNDN năm tài chính cho Cục Thuế tỉnh. Khi kết thúc năm tài chính năm 2014, nếu Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính nêu trên thì được chuyển lợi nhuận ra nước ngoài sau khi đã trừ đi khoản lợi nhuận đã sử dụng hoặc cam kết sử dụng để tái đầu tư tại Việt Nam. Đối với lợi nhuận nếu không thuộc diện cam kết để lại để tái đầu tư như nêu trên thì Công ty Sing Việt được chuyển lợi nhuận ra nước ngoài theo quy định.

[DOWNLOAD](#)



Ngày 15/12/2015 Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 5388/TCT-CS trả lời về việc chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn. Theo đó:

➤ Trường hợp năm 2013, Công ty Cổ phần X (Đài Loan) (là thành viên góp vốn trong Công ty TNHH Y tại Việt Nam) thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp của mình trong Công ty TNHH Y cho các cá nhân (01 cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam và 03 cá nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam) thì:

- Trường hợp Công ty TNHH Y hạch toán kế toán bằng đồng Việt Nam thì khi chuyển nhượng vốn góp bằng ngoại tệ, giá chuyển nhượng bằng đồng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng tiền Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm chuyển nhượng.
- Tổng cục Thuế thống nhất với đề xuất của Cục thuế: trường hợp Công ty Cổ phần X thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp cho các cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam thì hoạt động này thuộc diện phải kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng vốn tại Việt Nam. Công ty TNHH Y có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với thu nhập phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng vốn nêu trên.

[DOWNLOAD](#)

Ngày 11/12/2015 Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 5357/TCT-CS giải đáp về chính sách thuế. Theo đó:

Đối với trường hợp doanh nghiệp xuất hàng hóa để khuyến mãi, quảng cáo nhưng khách hàng chỉ được nhận hàng khuyến mãi, quảng cáo kèm theo các điều kiện khác như phải mua sản phẩm, hàng hóa (ví dụ mua 02 sản phẩm được tặng 01 sản phẩm) thì bản chất là giảm giá hàng bán nên doanh nghiệp phải phân bổ số tiền thu được cho cả 03 sản phẩm (bao gồm cả hàng được khuyến mãi). Theo đó, đối với bên mua, số tiền phải trả hoặc đã trả để mua hàng sẽ được phân bổ cho cả số lượng hàng hóa mua và hàng hóa được khuyến mãi.

Trường hợp cả hàng hóa mua và hàng hóa được khuyến mãi là giống hệt nhau, ví dụ mua 02 sản phẩm được tặng 01 sản phẩm thì đơn giá của 01 đơn vị hàng hóa (kể cả hàng được khuyến mãi) được xác định là tổng số tiền phải trả hoặc đã trả để mua hàng chia cho tổng số lượng hàng hóa được nhận về (03 sản phẩm).

Trường hợp hàng hóa được khuyến mãi khác với hàng hóa mà doanh nghiệp mua về thì căn cứ vào giá trị niêm yết của hàng khuyến mãi mà bên bán hàng công bố cho khách hàng hoặc giá trị thị trường của hàng hóa giống hệt để xác định giá trị của hàng khuyến mãi.”

[DOWNLOAD](#)



Ngày 14/12/2015 Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 5368/TCT-QLN hướng dẫn về việc cưỡng chế thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng của Cục Thuế tỉnh. Theo đó:

➤ Trường hợp tổ chức, cá nhân không cung cấp thông tin về việc sử dụng hóa đơn theo đề nghị của cơ quan thuế hoặc sau 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thuế đề nghị điều chỉnh số liệu, tổ chức, cá nhân không thực hiện báo cáo điều chỉnh thì cơ quan thuế căn cứ vào dữ liệu hóa đơn do cơ quan thuế quản lý để ban hành Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng.

Do đó, sau khi cơ quan thuế ban hành Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng mà người nộp thuế mới gửi đề nghị điều chỉnh thì cơ quan thuế không thực hiện điều chỉnh Quyết định cưỡng chế và số hóa đơn cơ quan thuế đã thông báo không còn giá trị sử dụng.

➤ Những hóa đơn được xuất sử dụng từ ngày cơ quan thuế thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng thì được coi là hóa đơn bất hợp pháp.

[DOWNLOAD](#)

Ngày 21/12/2015 Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 5483/TCT-CS hướng dẫn về chính sách thuế. Theo đó:

Trường hợp Công ty Duy Thịnh ký hợp đồng bán xi măng cho Công ty TNHH Điện Hoàng Anh ATTAPEU Lào, theo chỉ định của Công ty TNHH Điện Hoàng Anh ATTAPEU Lào địa điểm giao hàng hóa tại Nhà máy xi măng Xuân Thành thuộc tỉnh Quảng Nam, Việt Nam, Công ty Duy Thịnh đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Khoản 2.a Điều 9 và Khoản 3 Điều 17 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và có tài liệu chứng minh việc vận chuyển hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam của Công ty Duy Thịnh, tài liệu chứng minh hàng hóa được đại diện hai bên mua bán áp tải đến cửa khẩu thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

[DOWNLOAD](#)



Ngày 6/1/2016 Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 43/TCT-DNL hướng dẫn về việc lập hóa đơn trong trường hợp khách hàng không lấy hóa đơn. Theo đó:

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng Tổng cục Thuế đồng ý: Trường hợp người mua không yêu cầu xuất hóa đơn (không phân biệt tổng giá trị thanh toán trên 200.000 đồng hay dưới 200.000 đồng) thì tại từng chi nhánh, Hội Sở chính của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan được phép lập chung một hóa đơn theo bảng kê cho tổng doanh thu người mua không lấy hóa đơn phát sinh trong tháng tại từng chi nhánh, Hội Sở chính vào cuối tháng đó.

[DOWNLOAD](#)

Ngày 28/12/2015 Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 5599/TCT-KK hướng dẫn về việc hoàn thuế GTGT. Theo đó:

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng ưu tiên chi hoàn thuế theo công văn số 13822/BTC-TCT và công văn số 18832/BTC-TCT của Bộ Tài chính được hoàn thuế nhưng có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ và cơ quan Thuế đã ban hành Quyết định về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước thì ngày ghi trên Quyết định về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước được xác định là ngày người nộp thuế đã nộp thuế. Theo đó, thời gian kể từ ngày cơ quan Thuế ban hành Quyết định về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước đến ngày người nộp thuế nhận được tiền hoàn thuế không phải tính tiền chậm nộp.

[DOWNLOAD](#)

VĂN BẢN KHÁC

Ngày 03/12/2015 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 197/2015/TT-BTC quy định về hành nghề Chứng khoán. Theo đó:

➤ Cấp, thu hồi và cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

Các loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Thông tư 197, gồm:

- Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán;
- Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính;
- Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.

Chứng chỉ hành nghề CK chỉ có giá trị sử dụng khi người được cấp chứng chỉ làm việc tại một công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và được công ty đó thông báo với UBCKNN. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp không thời hạn, trừ trường hợp bị thu hồi theo khoản 1 Điều 6 Thông tư số 197/2015.

➤ Cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và tổ chức thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

Điều kiện dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề CK được Thông tư 197 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định như sau:

- Người dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán phải có đủ các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc đã hoàn

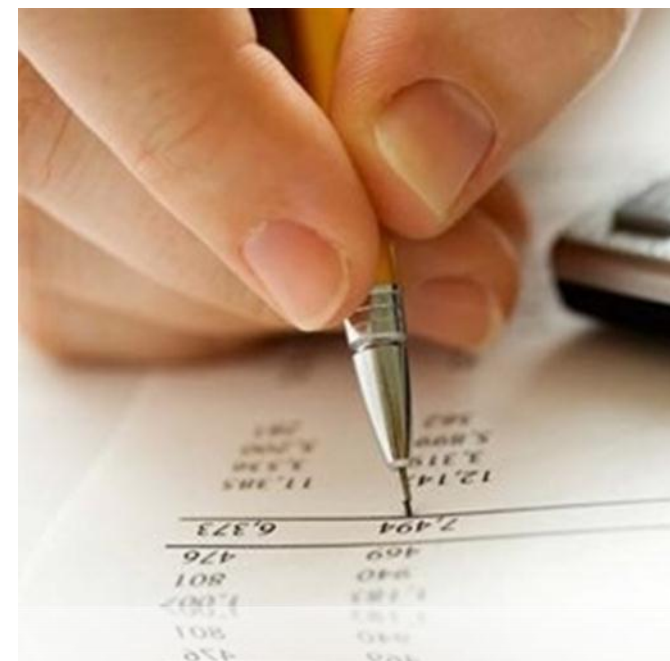


thành các khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc có các văn bằng được phép miễn chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đăng ký dự thi sát hạch theo Điều 4 Thông tư số 197/2015/TT-BTC.

- Người nước ngoài có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ chuyên môn về thị trường chứng khoán thì chỉ cần thi sát hạch phần pháp luật về chứng khoán của Việt Nam.

➤ Người hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề CK.

Thông tư 197/2015/BTC quy định nguyên tắc hành nghề chứng khoán như sau:



Người có Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán được thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Người có Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính được thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Người có Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ được thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ được làm việc tại 01 bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán trong 01 thời điểm.

➤ Thông tư 197 có hiệu lực từ ngày 25/01/2016.

[DOWNLOAD](#)

Ngày 17/11/2015 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 190/2015/TT-BTC quy định về quản lý, sử dụng chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ. Theo đó:

➤ Căn cứ xác định chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu dự án sử dụng vốn ngân sách và vốn Trái phiếu chính phủ.

- Quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án; quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, theo Thông tư 190;
- Quy mô, tính chất và dự toán của gói thầu sử dụng NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ được phê duyệt;
- Định mức chi phí lựa chọn nhà thầu theo tại Nghị định 32/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng;
- Thông tư quy định đối với các gói thầu thuộc các dự án không có cấu phần xây dựng, thiết bị và chưa có định mức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án lập dự toán để xác định mức chi phí lựa chọn nhà thầu dự án sử dụng vốn Ngân sách và vốn trái phiếu CP trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

➤ Lập dự toán, quản lý, sử dụng các khoản chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu DA sử dụng vốn NSNN và Trái phiếu chính phủ.

Trường hợp chủ đầu tư, Ban quản lý dự án trực tiếp thực hiện:

- Thông tư 190 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định chủ đầu tư, Ban quản lý dự án có đủ năng lực được cấp có thẩm quyền chấp thuận cho phép tự tổ chức thực hiện hoặc giao cho tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan mình thực hiện thì việc quản lý, sử dụng, quyết toán chi phí lựa chọn nhà thầu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án.

Trường hợp thuê tư vấn đấu thầu để thực hiện một hoặc toàn bộ các công việc theo Thông tư số 190/2015/TT-BTC:

- Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và định mức quy định, Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện các nội dung công việc. Mức chi trả thực hiện theo Hợp đồng giữa chủ đầu tư, Ban quản lý dự án và đơn vị tư vấn nhưng phải đảm bảo tổng chi phí lựa chọn nhà thầu đã có thuế không vượt quá khoản mục chi phí lựa chọn nhà thầu trong dự toán được duyệt.
- Việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán chi phí lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy định hiện hành.

➤ Thông tư 190 có hiệu lực từ ngày 01/01/2016.

[DOWNLOAD](#)



Được thành lập vào năm 1970, GMN International là một hiệp hội toàn cầu, thành viên của hiệp hội là các công ty kế toán chuyên nghiệp được lựa chọn hết sức kỹ lưỡng, thành lập từ lâu đời và rất có danh tiếng trong quốc gia của họ. Mỗi công ty là một pháp nhân riêng biệt và độc lập.

Mối quan hệ giữa các công ty thành viên của chúng tôi được duy trì bằng cách liên hệ thường xuyên trực tiếp với nhau, cho phép chúng tôi tiếp cận những thông tin quốc tế quý giá, tin cậy cùng với sự hỗ trợ và tư vấn nhanh chóng. Hỗ trợ toàn cầu giúp các thành viên làm việc cùng nhau hiệu quả hơn, nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết của các khách hàng tại đất nước của họ.

Các thành viên của chúng tôi cùng nhau chia sẻ một cam kết chung để cùng thực hiện tốt theo các tiêu chuẩn chuyên môn cao nhất. Qua kinh nghiệm cá nhân, họ đã tích lũy được rất nhiều kiến thức về lĩnh vực hải quan cũng như nền văn hóa các vùng miền. Nhờ vào đó, kinh nghiệm quý báu của các chuyên gia của chúng tôi được chia sẻ một cách hiệu quả cho các đồng nghiệp để mang đến cho khách hàng những dịch vụ quốc tế xuyên suốt tốt nhất.

Sứ mệnh của chúng tôi là trở thành một hiệp hội các công ty kế toán chất lượng hàng đầu trên thế giới, cung cấp một loạt các dịch vụ cao cấp tại địa phương với phương pháp tiếp cận chuyên nghiệp, vì lợi ích của các công ty, khách hàng và nhân viên của họ, mà không ảnh hưởng chủ quyền của mỗi công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ông TẠ VĂN VIỆT - CPA, MBA
Tổng Giám đốc

tel 0912 261 088
email viet.ta@anvietcpa.com

Ông VŨ BÌNH MINH CPA, MA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0904 347 726
email minh.vu@anvietcpa.com

Ông TRẦN QUỐC TRI - CPA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0913 045 117
email tri.tran@anvietcpa.com

Bà VŨ THỊ HƯƠNG GIANG - CPA, MBA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0909 866 888
email giang.vu@anvietcpa.com

Ông NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG - CPA, MBA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0913 505 685
email duong.nguyen@anvietcpa.com

Ông DƯƠNG ĐÌNH NGỌC - CPA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0983 536 303
email ngoc.duong@anvietcpa.com

Bà NGUYỄN THỊ HOA - CPA, MA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0904 204 866
email hoa.nguyen@anvietcpa.com

Ông NGUYỄN THƯƠNG - CPA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0913 225 211
email thuong.nguyen@anvietcpa.com

Bà TRẦN NGỌC ANH - CPA, MBA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0904 123 088
email anh.tran@anvietcpa.com

Bà HOÀNG THIÊN NGÀ - CPA, Kỹ sư xây dựng
Phó Tổng Giám đốc

tel 0912 300 202
email nga.hoang@anvietcpa.com

Bà HOÀNG THỊ THANH TÂM
Phó Tổng Giám đốc

tel 0983 656 389
email tam.hoang@anvietcpa.com



HEAD OFFICE

167 Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng - Hà Nội
Cell: 046.2782.904 | Fax: 046.2782.905
Email: anviet@anvietcpa.com



VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Tầng 9, tòa nhà AC - 78 Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội
Cell: 043.7958.705 | Fax: 043.7958.677
Email: anviet.hn@anvietcpa.com



VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Tầng 7, tòa nhà Hải Quân, 05 Lý Tự Trọng, Hoàng Văn Thụ,
Q.Hồng Bàng, Hải Phòng
Cell: 0313.842.430 | Fax: 0313.842.433
Email: anviet.hp@anvietcpa.com

